

Bản án số: 229/2026/HS-ST  
Ngày: 23-7-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
- Ông Hồ Sĩ Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân L – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 234/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

**1. TRẦN THỊ THANH T2**, sinh năm 1987 tại: tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú: Căn hộ A Lô B V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở trước khi bị bắt: 61 đường số E, phường B, TP.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Trần Hồng L1, sinh năm 1953 và bà Phan Thị H, sinh năm 1959; Có chồng là Phạm V, sinh năm 1986 (là bị cáo trong vụ án); Có 02 con sinh năm 2012 và 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 28/12/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

**2. PHẠM V**, sinh năm 1986 tại: tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký thường trú: 184/54 L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở trước khi bị bắt: 61 đường số E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Phạm Hồng T, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm

1953; Có vợ là Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1987 (là bị cáo trong vụ án); Có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án: Ngày 20/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phạm V 15 triệu đồng về tội “Đánh bạc”, đồng thời tuyên nộp sung quỹ số tiền 5 triệu đồng và án phí 200.000 đồng. Bị can được gia đình nộp số tiền trên vào ngày 03/3/2026- sau khi phạm tội mới- nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Bị bắt ngày 28/12/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

3. **TRẦN GIA H3**, sinh năm 2005 tại thành phố Đ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ I Ấp T, phường A, thành phố Đ. Nơi ở trước khi bị bắt: 62 đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T3, đã chết và bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1988; Chưa có chồng con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 10/03/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

4. **PHẠM MINH C**, sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 09, Ấp H, xã T, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Phạm Văn P1, sinh năm 1976 và bà Võ Thị Kim H1, sinh năm 1978; Có vợ là Nguyễn Thị Cẩm H2, sinh năm 1996; Có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt ngày 09/4/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thị Thanh T2 và Phạm V: Ông Trần Văn N và ông Lê Hà Long V1, đều là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Công ty L2, số A đường số B, Khu dân cư C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (đều có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Vĩnh T4, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 03 giờ 15 phút ngày 28/12/2025, Công an phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phản ánh nên đã tiến

hành kiểm tra hành chính căn hộ số 6.33, Chung cư T, số B T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện, bắt quả tang Trần Thị Thanh T2 và Phạm V đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất, thu giữ nhiều tang vật liên quan.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra đã truy xét và bắt giữ được Phạm Minh C và Trần Gia H3 có liên quan đến hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; kết quả điều tra cụ thể như sau:

\* Hành vi *Mua bán trái phép chất ma túy* của Phạm Minh C và Trần Gia H3:

Phạm Minh C quen biết Trần Gia H3 (M) quen biết qua mạng xã hội và thấy H3 có đăng bán ma túy trên nhóm Zalo nên C kết bạn qua Telegram để liên lạc. Vào ngày 27/12/2025, có người phụ nữ tên T2 liên hệ qua số điện thoại 0946633491 của Phạm Minh C hỏi mua ma túy tổng hợp dạng thuốc lắc và khay nên Chánh tin qua T5 cho “Mya” (của Trần Gia H3) hỏi mua ma túy thì M đồng ý bán, báo giá 5.000.000 đồng và gửi mã QR tài khoản số 2522786789, ngân hàng T6 mang tên “TRAN GIA HAN”. Sau đó, Chánh báo lại T2 giá 5.800.000 đồng và gửi mã QR của H3 để T2 chuyển khoản. Chánh nhắn tin cho H3 địa chỉ, số điện thoại của T2 và gửi số tài khoản ngân hàng của C để H3 chuyển tiền hoa hồng mua bán ma túy. Tiếp đó, H3 liên hệ với tài khoản T5 tên “Bo” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để đặt mua số lượng ma túy như yêu cầu của C. “Bo” báo giá là 4.100.000 đồng, H3 đồng ý mua và gửi số điện thoại, địa chỉ của T2 cho B. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, H3 nhận được 5.800.000đ (năm triệu tám trăm ngàn đồng) từ T2. Sau đó, H3 chuyển tiền mua ma túy cho B với số tiền 4.100.000đ đến số tài khoản 107875599099 tên “TRAN VINH TAI”, chuyển đến số tài khoản 17224371 tại ngân hàng A tên “PHAM MINH CHANH” số tiền 800.000đ. Số tiền 900.000đ còn lại H3 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 86897896789 tại ngân hàng T7 đứng tên “TRAN GIA HAN”. Khoảng 19 giờ cùng ngày, một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến trước địa chỉ F đường số E, phường B, TP . giao cho T2 một túi nylon lớn bên trong có các túi zip chứa nhiều loại ma túy.

Như vậy, trong lần môi giới bán ma túy trên Trần Gia H3 được hưởng lợi là 900.000 đồng, Phạm Minh C được hưởng lợi 800.000 đồng. H3 và C đều khai nhận đây là lần đầu tiên bán ma túy.

\* Hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Thị Thanh T2 và Phạm V: Trần Thị Thanh T2 và Phạm V có mối quan hệ vợ chồng, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên chiều ngày 27/12/2025 Trần Thị Thanh T2 liên hệ Phạm Minh C hỏi mua ma túy tổng hợp dạng thuốc lắc và khay; mục đích để mang theo xuống Vũng Tàu sử dụng. Tuy nhiên, Chánh nói chỉ bán số lượng lớn, T2 đồng ý mua và chuyển số tiền 5.800.000 đồng từ tài khoản số 543979686868, ngân hàng M2 của T2 vào tài khoản số 2522786789, ngân hàng T6 mang tên “TRAN GIA HAN” theo yêu cầu của Chánh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến giao cho T2 một túi nylon lớn bên trong có các

túi zip chứa nhiều loại ma túy tại nhà T2, địa chỉ F đường số E, phường B, TP .. Sau khi có ma túy, T2 liên hệ đặt phòng tại căn hộ F, Chung cư T, với số tiền 1.700.000 đồng, chuyển 500.000 đồng tiền đặt cọc thuê phòng.

Đến khoảng 20 giờ ngày 27/12/2025, Trần Thị Thanh T2 và Phạm V đi từ nhà đến phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi đi, T2 mang theo nhiều loại ma túy, loa, đèn bỏ vào bên trong ba lô đựng quần áo. Khoảng 23 giờ cùng ngày, cả hai đến căn hộ 6.33, Chung cư T. Tại đây, T2 lấy ma túy, loa, đèn từ trong ba lô ra và rủ V sử dụng ma túy, V đồng ý. T2 mượn điện thoại của V để kết nối với loa và bật nhạc chuẩn bị sử dụng ma túy. T2 và V mỗi người sử dụng 01 viên thuốc lắc, rồi cho ma túy khay ra đĩa. Lúc này T2 mượn thẻ ATM của ngân hàng A đứng tên “PHAM VI” của V để cả ma túy khay. Sau khi cả, cả hai lần lượt hít ma túy khay. Đến 03 giờ 15 phút ngày 28/12/2025, khi cả hai vẫn đang sử dụng ma túy thì bị bắt quả tang, thu giữ các vật chứng gồm:

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng, bên trên có ma túy khay (Mẫu A1), 01 đoạn ống hút màu trắng, 01 thẻ ATM màu xanh của Ngân hàng A tên “PHAM VI” (tại vị trí T2 và V ngồi):

+ 01 (một) gói nylon trong suốt dạng túi zip chứa chất bột màu trắng (mẫu A2); 01 (một) gói nylon màu đen dạng túi zip, chứa chất bột màu trắng (mẫu A3); 04 (bốn) viên nén màu hồng (mẫu A4), 01 (một) viên nén màu xanh (mẫu A5) (trong túi xách của T2):

+ 01 loa màu đen, 02 đèn màu đen và trắng; 01 quạt gas màu đỏ; và 01 điện thoại di động hiệu Iphone ProMax màu xanh.

Tại bản kết luận giám định số 1123/KL-KTHS ngày 01/01/2026 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

- Mẫu A1 có khối lượng 0,4296 gam, là ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu A2 có khối lượng 0,8701 gam, là ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu A3 có khối lượng 1,1780 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.
- Mẫu A4 có khối lượng 1,4666 gam, là ma túy, loại MDMA.
- Mẫu A5 có khối lượng 0,3509 gam, là ma túy, loại MDMA.

\* Hành vi *Tàng trữ trái phép chất ma túy* của Trần Thị Thanh T2:

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Thanh T2 và Phạm V đều khai nhận số ma túy có khối lượng 0,4296 gam, loại Ketamine đang còn trên đĩa sứ màu trắng (mẫu A1) cả hai đang sử dụng thì bị bắt quả tang, nếu không bị phát hiện sẽ sử dụng cho đến hết số ma túy này. Do đó, không đủ căn cứ xác định T2 có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy đối với số ma túy này.

Đối với toàn bộ số ma túy thu giữ trong túi xách của Trần Thị Thanh T2 tại biên bản bắt quả tang gồm các mẫu A2, A3, A4, A5, theo kết luận giám định đều là ma túy, các loại Ketamine, M1 và MDMA với tổng khối lượng là 3,8656 gam. T2 khai nhận mục đích cất giấu số ma túy này để dành sử dụng cho những lần sau

nên T2 phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép đối với khối lượng ma túy trên.

Quá trình điều tra, Trần Thị Thanh T2, Phạm V, Trần Gia H3 và Phạm Minh C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL: 62-76b, 95-107, 112-123, 129-141b).

*\* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:*

- Số ma túy bị thu giữ sau giám định được niêm phong trong 02 (hai) phong bì ghi số 1123 ngày 01/01/2026 của Phòng K Công an T;

- Các dụng cụ dùng vào việc sử dụng ma túy gồm: 01 (một) đĩa sứ màu trắng, 01 (một) đoạn ống hút bằng giấy màu trắng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng A mang tên “PHAM VI”; 01 (một) cái đèn màu đen; 01 (một) đèn màu trắng; 01 (một) loa màu đen; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) quẹt gas màu đỏ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, số I: 355325328554987 của Trần Thị Thanh T2- T2 dùng điện thoại này liên hệ mua ma túy, chuyển khoản tiền mua ma túy; chuyển khoản đặt cọc căn hộ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S 5, số I: 357150467058758 của Phạm V (dùng vào việc phạm tội).

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone 14 Promax màu đen số Sê-ri: M46Q92K6FH của Phạm Minh C- Chanh dùng điện thoại này để trao đổi bán ma túy.

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone màu trắng số Sê-ri: F17C12GTN6Y7 của Trần Gia H3 - H3 dùng điện thoại này để trao đổi bán ma túy.

*\* Xử lý vật chứng:* Viện kiểm sát khu vực A-Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định chuyển toàn bộ vật chứng nêu tên sang Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh bảo quản, chờ xử lý.

*Bản cáo trạng số 63/CT-VKSHCM-KV* ngày 22/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Thị Thanh T2 về *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự và *Tội tàng trữ trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Phạm V đã phạm về *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Trần Gia H3 và Phạm Minh C đã về *Tội mua bán trái phép chất ma túy* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về *Tội mua bán trái phép chất ma túy*: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Gia H3 và Phạm

Minh C mỗi bị cáo mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*: Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T2 và Phạm V mỗi bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về *Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*: Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T2 mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Thanh T2 theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với số ma túy còn lại sau khi giám định, các dụng cụ liên quan đến hành vi sử dụng ma túy là vật cấm lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng thì đề nghị tịch thu tiêu hủy;

Đối với các điện thoại di động thu của các bị cáo là tài sản, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc các bị cáo C và H3 nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của người bào chữa: Ông Trần Văn N và ông Trần Hà Long V2 thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo T2 và V.

Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và hình phạt, các Luật sư đề nghị xem xét: Đối với bị cáo Phạm V là người là người có đóng góp cho xã hội trong giai đoạn dịch covid 19 – có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng để giảm cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trần Thị Thanh T2 do là phụ nữ đang nuôi 02 con nhỏ và thuộc trường hợp gia đình có công cách mạng nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Ngoài ra quá trình điều tra bị cáo T2 đã cung cấp thông tin về bị cáo C để cơ quan điều tra nhanh chóng phá án nên đề xuất áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả hai tội.

Các bị cáo T2 và V thống nhất với ý kiến tranh luận của người bào chữa; Tất cả cáo bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm, thừa nhận hành vi phạm tội như

nội dung Cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát; Các bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với các bị đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

**[2]** Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận giám định ma túy cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở xác định:

Ngày 27/12/2025, Phạm Minh C liên hệ với Trần Gia H3 để mua số ma túy tổng hợp dạng khay và lắc với số tiền 5.800.000 đồng giúp cho Trần Thị Thanh T2. Sau đó, H3 liên hệ với người tên B (chưa rõ nhân thân lai lịch) để mua ma túy và bán lại cho T2 để được hưởng tiền hoa hồng bán ma túy, trong đó C được hưởng lợi 800.000 đồng, H3 hưởng lợi 900.000 đồng từ việc giúp sức cho “Bo” bán ma túy cho T2.

Vào khoảng 03 giờ 15 phút ngày 28/12/2025, Trần Thị Thanh T2 và Phạm V có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại căn hộ S, Chung cư T, địa chỉ B T, phường V, TP Hồ Chí Minh. Trong đó, T2 là người chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy, loa đài và thuê địa điểm để sử dụng ma túy; Phạm V điện thoại để kết nối với loa mở nhạc phục vụ việc sử dụng ma túy; cung cấp thẻ ATM tên “PHAM VI” cho T2 cà ma túy khay; khi cả hai đang cùng nhau sử dụng ma túy thì bị bắt quả tang thu giữ trên đĩa sứ một lượng ma túy có khối lượng 0,4296 gam, loại Ketamine.

Ngoài ra, Trần Thị Thanh T2 còn có hành vi tàng trữ trong túi xách khối lượng ma túy, T2 khai mục đích để sử dụng dần cho bản thân, gồm các loại ma túy Ketamine, M1 và MDMA với tổng khối lượng là 3,8656 gam.

Khi thực hiện các hành phạm tội nêu trên, các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Thị Thanh T2 đã đủ yếu tố cấu thành các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Phạm Vĩ Đ đủ yếu tố cấu thành *Tổ chức tổ sử dụng trái phép chất ma túy* theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Phạm Minh C và Trần Gia H3 đủ yếu tố cấu thành *Mua bán trái phép chất ma túy* theo khoản 1 Điều 251.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo theo nội dung Cáo trạng 63/CT-VKSHCM-KV1 ngày 22/6/2026 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

**[3]** Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3.1] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của các bị cáo đã thực hiện nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, đồng thời làm phát sinh các tệ nạn xã hội và nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi hoặc để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy nói chung.

[3.2] Về nhân thân và vai trò của các bị cáo:

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Phạm Minh C mua ma túy từ Trần Gia Hân để bán cho Trần Thị Thanh T2, Chánh và H3 đều thu lợi nhuận từ 800-900 ngàn đồng cho giao dịch mua bán ma túy, cả hai bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự và nhân thân nên tính chất, mức độ hành vi mà 02 bị cáo đã thực hiện trong vụ án là ngang nhau.

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Khi bị bắt quả tang, Trần Thị Thanh T2 và Phạm V đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng nhau, trong đó T2 có vai trò cung cấp ma túy, loa, đèn, và liên hệ thuê nhà nghỉ, V có vai trò cung cấp điện thoại để mở nhạc, cung cấp thẻ ATM để cà ma túy. Sau đó hai bị cáo cùng nhau cà ma túy để cùng nhau sử dụng. Như vậy T2 là người giữ vai trò chính trong việc tổ chức sử dụng ma túy, V là đồng phạm thực hành tích cực trong vụ án và là đối tượng có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi và nhân thân của từng bị cáo để vừa đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo vừa phân hóa tội phạm.

### [3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm V có một tiền án về *Tội đánh bạc* theo Bản án số 32/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (cũ); xử phạt tiền 15 triệu đồng và nộp sung quỹ số tiền 5 triệu, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Mặc dù bị cáo đã thi hành xong bản án nhưng do thi hành sau khi bị khởi tố, tạm giam trong vụ án này nên vẫn coi là chưa được xóa án tích và bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo khác không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Thị Thanh T2 và Phạm V là vợ chồng hiện đang có 03 con nhỏ phải nuôi dưỡng đồng thời cung cấp được chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp gia đình có đóng góp cho xã hội trong giai đoạn Covid 19 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ việc tịch thu điện thoại của T2, Cơ quan điều tra đã xác định được người bán ma túy cho T2 là H3 và từ bị cáo H3, Cơ quan điều tra đã xác định được người bán ma túy cho H3 là C. Đây là kết quả của việc mở rộng điều tra vụ án của Cơ quan điều tra và T2 đã được áp dụng tình tiết “Thành khẩn khai báo” tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có cơ sở áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

### [4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

#### [4.1] Về vật chứng:

Đối với số ma túy còn lại sau khi giám định, các dụng cụ liên quan đến hành vi sử dụng ma túy là vật cấm lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với các điện thoại di động thu của các bị cáo là tài sản, phương tiện các bị cáo sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[4.2] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền các bị cáo C và H3 thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy cần buộc các bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước để sung công quỹ theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự.

### [5] Về các vấn đề khác:

[5.1] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập

ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5.2]. Kết quả điều tra thể hiện: tài khoản số 107875599099 mở tại Ngân hàng V3 (đã nhận số tiền mua ma túy 4.100.000 đồng từ Trần Gia Hân), tên chủ tài khoản là Trần Vĩnh T4 - sinh năm 1997, trú tại xã C, tỉnh Vĩnh Long. Qua điều tra, Trần Vĩnh T4 khai nhận: cách đây khoảng 5-6 năm, T4 có mở tài khoản nói trên để nhận lương, tuy nhiên sau khi nghỉ việc, T4 không sử dụng tài khoản nói trên. Năm 2023 T4 bị mất điện thoại di động và giấy tờ tùy thân trong đó có thẻ ngân hàng nói trên; T4 cho rằng không biết ai sử dụng tài khoản của mình để nhận tiền mua bán ma túy và xác định bản thân không thỏa thuận với Trần Gia H3 hoặc bất kỳ ai khác. Kết quả kiểm tra điện thoại của T4 không thu giữ tài liệu liên quan đến việc mua bán ma túy. Trần Gia H3 không thể nhận dạng được B vì chưa gặp ngoài đời mà chỉ liên hệ qua điện thoại và mạng xã hội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xác định, đến nay chưa được thể điều tra làm rõ về việc Trần Vĩnh T4 và B có liên quan đến hành vi bán ma túy với Trần Gia H3 hay không nên đã tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với Trần Vĩnh T4 và B để tiếp tục điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét xử lý, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1] Về hình phạt:**

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T2 04 (bốn) năm tù về *Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Thị Thanh T2 phải chấp hành chung của 02 (hai) tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2025.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về *Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*. Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2025.

[1.3] Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Gia H3 05 (năm) năm tù về *Tội mua bán trái phép chất ma túy*. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2026.

[1.4] Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Minh C 05 (năm) năm tù về *Tội mua bán trái phép chất ma túy*. Thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2026.

**[2]** Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[2.1] Về xử lý vật chứng:

*Tịch thu, tiêu hủy:*

02 (hai) phong bì niêm phong ghi số 1123 ngày 01/01/2026 theo Kết luận giám định số 1123/KL-KTHS ngày 01/01/2026 của Phòng K Công an Thành phố H;

Các dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) đoạn ống hút màu trắng; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng A mang tên “PHAM VI”; 01 (một) cái đèn màu đen; 01 (một) đèn màu trắng; 01 (một) loa màu đen; 01 (một) quẹt gas màu đỏ.

*Tịch thu sung quỹ Nhà nước:*

01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, số Imei 355325328554987 thu của Trần Thị Thanh T2;

01 (một) điện thoại di động hiệu S 5, số I: 357150467058758 thu của Phạm V;

01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone 14 Promax màu đen số Sê-ri: M46Q92K6FH thu của Phạm Minh C;

01 (một) ĐTDĐ hiệu Iphone màu trắng số Sê-ri: F17C12GTN6Y7 thu của Trần Gia H3.

Các điện thoại đều đã qua sử dụng và không kiểm tra chất lượng bên trong.

Các vật chứng và tài sản nêu trên hiện Thi hành án dân sự Thành phố H đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 206/BB-PTHADS ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Biên lai thu tiền số 0012960 ngày 25/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

[2.2] Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Phạm Minh C nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) để sung công quỹ.

Buộc bị cáo Trần Gia H3 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) để sung công quỹ.

**[3]** Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Thị Thanh T2, Phạm V, Trần Gia H3, Phạm Minh C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**[4]** Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- VKSND KV 11, TP. HCM;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng, Trại tạm giam số 1, CA TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hiếu**

